

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2021/DS-ST**

Ngày 14/5/2021

V/v: "*Tranh chấp
Di sản thừa kế*".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thư.

Ông Trịnh Tiến Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Mỹ Dung – Thư ký Tòa án

Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Đại diện VKSND huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thụy Cầm - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/DSST ngày 18/01/2018 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/ DSST ngày 30/3/2021, giữa :

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị T - Sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số nhà X, ngõ Y, khu dân cư X, phường Th Tr, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc L - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Số nhà A, tổ 11 M L, phường K H, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X - Sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn T H, xã Th L, huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

*Chị Trịnh Thị Thanh H - Sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số nhà C, đường T T, phường N Th, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

*Chị Trịnh Thị G Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số nhà B Nguyễn Công Tr, phường Đ S, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

*Anh Trịnh Trọng Đ - Sinh năm: 1983

*Anh Trịnh Minh Q - Sinh năm: 1987

Cùng Địa chỉ: phòng Y, chung cư H L, phường Th B, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

4. Người làm chứng:

Ông Trịnh Văn H - Sinh năm 1937

Địa chỉ: Thôn M Q, xã M L, huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Ông Trịnh Quang T - Sinh năm 1946

Địa chỉ: Thôn M Q, xã M L, huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

(Tại phiên tòa có mặt bị đơn bà X, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H, chị Gi, anh Đ, anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đại diện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ông bà ngoại tôi là ông Trịnh Văn T và bà Lưu Thị Phi sinh được hai người con là: Trịnh Thị T (mẹ đẻ tôi) và Trịnh Xuân Đ (cậu ruột tôi).

Năm 1980 ông Trịnh Văn T mất, năm 2010 bà Lưu Thị Ph mất, không để lại di chúc. Quá trình chung sống ông bà tôi có tạo lập được khối tài sản chung gồm: thửa đất số 838, tờ bản đồ số 03, diện tích 585m², tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lưu Thị Ph. Trên đất có xây dựng căn nhà cấp 4, 5 gian với diện tích khoảng 100m². Qua thời gian căn nhà bị mục nát, xuống cấp mẹ tôi đã huy động chúng tôi góp sức xây dựng ba gian nhà mái bằng bên cạnh căn nhà cấp 4 để ở cùng với bà, cậu tôi cho đến khi bà tôi qua đời vào năm 2010, mẹ tôi ra Hà Nội sinh sống cùng với chúng tôi. Sau đó cậu tôi là người trực tiếp quản lý mảnh đất trên. Một năm sau vào năm 2011, cậu tôi mắc bệnh hiểm nghèo và chết.

Kể từ khi cậu tôi qua đời thì bà Nguyễn Thị X đã tự ý khóa cửa nhà, cổng ngõ nên mẹ tôi và chúng tôi không thể vào thờ cúng, hương khói cho ông bà ngoại và cậu tôi.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc giải quyết chia di sản thừa kế của ông bà ngoại tôi để lại gồm toàn bộ thửa đất số 838, tờ bản đồ số 3 với diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định của pháp luật, để gia đình tôi có chỗ thờ cúng tổ tiên.

2. Theo bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Năm 1977, tôi kết hôn với ông Trịnh Xuân Đ. Sau khi kết hôn tôi sống với bố mẹ chồng tôi là Trịnh Văn T và Lưu Thị Ph. Vào năm 1995 bà Trịnh Thị T lập gia đình và ra sống riêng.

Khi còn sống bố mẹ chồng tôi có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 838, tờ bản đồ số 3, diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lưu Thị Ph.

Năm 1980, ông Trịnh Văn T mất, không để lại di chúc. Gia đình tôi vẫn sống cùng bà Ph. Năm 1988, gia đình tôi có xây dựng 1 móng nhà. Năm 1995, gia đình tôi có làm nhà và chuyển ra ở riêng tại thôn T H, xã V L, huyện Hậu

Lộc. Còn bà Ph vẫn sinh sống trên mảnh đất trên. Năm 2010 bà Lưu Thị Ph mất, không để lại di chúc. Trước khi mất bà Ph có bàn giao lại giấy tờ đất cho vợ chồng tôi. Sau đó chồng tôi là Trịnh Xuân Đ đã tiến hành làm thủ tục sang tên nhưng chưa kịp hoàn tất thì năm 2011 chồng tôi đột ngột qua đời. Tôi có trách nhiệm lo toan ma chay mồ mả thờ cúng tổ tiên ông bà.

Nay bà Trịnh Thị T khởi kiện chia di sản thừa kế thừa đất số 838, tờ bản đồ số 3, diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa tôi không đồng ý vì chồng tôi là con trai duy nhất nên được quyền thừa kế toàn bộ mảnh đất trên. Nếu bà T muốn chia tài sản trên thì đề nghị Tòa án mời bà Tổ về tôi sẽ đồng ý chia cho bà Tổ 1/3 diện tích đất và tài sản.

3.Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

***Chị Trịnh Thị G trình bày:**

Ông bà nội tôi là cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph có 02 người con chung là bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Xuân Đ (ông Đ là bố đẻ của tôi). Năm 1977, ông Đ kết hôn với bà Nguyễn Thị X, và có 4 người con là Trịnh Thị Th Huyền, tôi là Trịnh Thị Gi, Trịnh Trọng Đ, Trịnh Minh Q. Năm 1980 cụ T mất, năm 2010 cụ Ph mất đều không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thừa đất số 838, tờ bản đồ số 3 với diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trên đất xây dựng một căn nhà cấp 4 do cụ Ph, cụ T xây dựng nay đã mục nát. Sau đó bố tôi đã xây dựng gian nhà mái bằng bên cạnh (bà T và các con bà T không có công sức đóng góp gì trong việc xây dựng nhà cửa). Năm 2011 bố tôi mất không để lại di chúc. Mẹ tôi thay bố tôi quản lý nhà đất của cụ Tập, cụ Ph để lại. Quá trình sinh sống khi mẹ con bà T có về thấp hương gia tiên, mẹ tôi cũng không có ngăn cản.

Nay bà T khởi kiện đòi chia di sản thừa kế của cụ Ph, cụ T để lại, tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật. Còn phần di sản thừa kế mà tôi được hưởng tôi từ chối nhận và để lại cho mẹ tôi là Nguyễn Thị X.

***Chị Trịnh Thị Thanh H trình bày:**

Ông bà nội tôi là cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph có 02 người con chung là bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Xuân Đ (ông Đ là bố đẻ của tôi). Năm 1977, ông Đ kết hôn với bà Nguyễn Thị X, và có 4 người con tôi là Trịnh Thị Thanh H, Trịnh Thị Gi, Trịnh Trọng Đ, Trịnh Minh Q. Năm 1980 cụ T mất, năm 2010 cụ Ph mất đều không để lại di chúc. Khi còn sống các cụ có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thừa đất số 838, tờ bản đồ số 3 với diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trên đất xây dựng một căn nhà cấp 4 do cụ Phiếu, cụ T xây dựng nay đã mục nát. Sau đó bố tôi đã xây dựng gian nhà mái bằng bên cạnh (bà T và các con bà T không có công sức đóng góp gì trong việc xây dựng nhà cửa). Năm 2011 bố tôi mất không để lại di chúc. Mẹ tôi thay bố tôi quản lý nhà đất của cụ Tập, cụ Phiếu để lại. Quá trình sinh sống khi mẹ con bà Tổ có về thấp hương gia tiên, mẹ tôi cũng không có ngăn cản.

Nay bà T khởi kiện đòi chia di sản thừa kế của cụ Ph, cụ T để lại, tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật.

***Anh Trịnh Trọng Đ trình bày:**

Tôi là con trai của ông Trịnh Xuân Đ và bà Nguyễn Thị X. Bố mẹ tôi sinh được 4 người con là : Trịnh Thị Thanh H, Trịnh Thị Gi, Trịnh Trọng Đ , Trịnh Minh Q. Năm 2011, bố tôi bị bệnh hiểm nghèo chết. Ông nội tôi là Trịnh Văn T và bà nội tôi là Lưu Thị Ph. Ông bà tôi có 02 người con là Trịnh Xuân Đ (bố tôi) và Trịnh Thị T. Khi còn sống ông bà nội tôi tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 838, tờ bản đồ số 3 diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lưu Thị Ph. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 mái bằng do bố mẹ tôi xây dựng năm 2007. Bố tôi là người trực tiếp quản lý thửa đất trên. Sau khi ông bà tôi mất, gia đình tôi vẫn đi lại thắp hương, thăm nom thửa đất trên. Nay bà Trịnh Thị T có yêu cầu chia thửa đất trên, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có xem xét công sức đóng góp của gia đình tôi đối với việc chăm lo cho ông bà nội tôi và việc quản lý trông nom thửa đất.

***Anh Trịnh Minh Q trình bày:**

Tôi là con trai của ông Trịnh Xuân Đ và bà Nguyễn Thị X. Bố mẹ tôi sinh được 4 người con là : Trịnh Thị Thanh H, Trịnh Thị G, Trịnh Trọng Đ , Trịnh Minh Q. Năm 2011, bố tôi bị bệnh hiểm nghèo chết. Ông nội tôi là Trịnh Xuân T và bà nội tôi là Lưu Thị Ph. Ông bà tôi có 02 người con là Trịnh Xuân Đ (bố tôi) và Trịnh Thị T. Khi còn sống ông bà nội tôi tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 838, tờ bản đồ số 3 diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lưu Thị Ph. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 mái bằng do bố mẹ tôi xây dựng năm 2007. Bố tôi là người trực tiếp quản lý thửa đất trên. Sau khi ông bà tôi mất, gia đình tôi vẫn đi lại thắp hương, thăm nom thửa đất trên.

Nay bà Trịnh Thị T có yêu cầu chia thửa đất trên, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có xem xét công sức đóng góp của gia đình tôi đối với việc chăm lo cho ông bà nội tôi và việc quản lý trông nom thửa đất.

4. Những người làm chứng:

***Ông Trịnh Văn H trình bày:**

Tôi với ông Trịnh Xuân Đ là anh em con chú con bác. Về nguồn gốc thửa đất theo tôi được biết là đất lịch sử của cha ông để lại cho cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph. Ông Trịnh Văn T và bà Lưu Thị Ph có 02 người con là ông Trịnh Xuân Đ và bà Trịnh Thị T. Bà Trịnh Thị T sau khi lập gia đình ra ở riêng còn ông Trịnh Xuân Đ kết hôn với bà Nguyễn Thị X và ở với cụ Tập, cụ Phiếu. Sau này ông Đ, bà X có xây dựng nhà ở xã Văn Lộc và chuyển ra ở riêng. Vào năm 2007, bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Xuân Đ có đóng góp xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất trên. Năm 2010, bà Lưu Thị Ph mất. Năm 2011, ông Đ mất. Sau khi ông Đ mất thì bà X vẫn sinh sống ở xã Văn Lộc và thi thoảng bà X có qua lại thắp hương. Còn việc giao cho ai là người quản lý mảnh đất trên tôi không rõ.

***Ông Trịnh Quang T trình bày:**

Về nguồn gốc thừa đất theo tôi được biết là đất lịch sử của cha ông để lại cho cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph. Khi còn sống cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph có 02 người con là Trịnh Xuân Đ và Trịnh Thị T. Bà Trịnh Thị T sau khi thoát ly và lập gia đình thì ra ở riêng. Còn ông Trịnh Xuân Đ khi kết hôn với bà Nguyễn Thị X thì ở cùng với cụ T và cụ Ph. Sau đó tôi không nhớ rõ vào năm nào, ông Đ bà X có xây nhà ra ở Văn Lộc và sinh sống ở đó. Năm 2007, tôi được biết là ông Đ có nói lại với tôi là hai chị em (là ông Đ, bà T) có đóng góp để xây dựng ngôi nhà mái bằng do ngôi nhà cấp 4 đã hư hỏng với mục đích cho ông Đ chăm sóc cụ Phiếu đã già yếu. Năm 2010, cụ Phiếu mất. Năm 2011, ông Đ mất. Sau khi ông Đ mất việc quản lý nhà và đất không giao cho ai cả. Bà X có thi thoảng về dọn dẹp, thắp hương. Sau đó bà X có chuyển hẳn bát hương về nhà bà X.

5. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

**** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án:***

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến 96 Điều 195, Điều 196, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ theo quy định tại khoản 2 điều 97 BLTTDS.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

**** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án:***

Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

**** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 610, Điều 611, Điều 613, Điều 620; Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trịnh Thị T về chia di sản thừa kế. Di sản của ông T và bà Ph không để lại di chúc nên được chia theo pháp luật như sau: Tại thời điểm mở thừa kế (năm 2010) tài sản của ông Tập và bà Ph thì có bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Xuân Đ là những người được hưởng thừa kế theo pháp luật và có quyền hưởng di sản ngang nhau.

Năm 2011, ông Đ chết không để lại di chúc, vì vậy bà X (vợ ông Đ) và bốn con của ông được hưởng di sản ngang nhau nhưng các con ông Đ gồm anh Đ, anh Q, chị H yêu cầu chia di sản theo quy định của pháp luật, còn chị G từ chối nhận di sản và chuyển di sản cho bà X. Vì vậy, bà Xuyên có quyền được hưởng phần di sản của ông Đ và phần tài sản được thừa kế của chị G; còn

anh Đ, anh Q, chị H được hưởng phần di sản thừa kế của ông Đ để lại theo quy định của pháp luật.

Di sản của ông T và bà Ph để lại gồm:

- Theo hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích thửa đất là 585m², nhưng thực tế đo đạc tại thời điểm thẩm định thì diện tích của thửa đất là 610m² giá trị 305.000.000đ về nguyên tắc chia đôi cho bà T và gia đình bà X (gồm bà X, anh Đ, anh Q, chị H, chị G) mỗi bên được hưởng ½ diện tích đất (chia dọc theo mặt đường thôn) nhưng có xem xét phần đóng góp của ông Đ trong việc duy trì khối tài sản trên đất để chia cho hợp lý với thực tế. Nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất là 585m² nên bên nào sử dụng phần diện tích đất dư ra thì khi Nhà nước lấy thì phải có nghĩa vụ trả lại cho Nhà nước.

- Nhà cửa, vật kiến trúc trên đất giá trị còn lại 81.527.868đ. Như vậy nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu nằm trên đất được chia của ai thì người đó được hưởng và giá trị tài sản chênh lệch không lớn nên không xem xét phần chênh lệch để trả lại cho nhau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trịnh Thị T và bà Nguyễn Thị X về di sản thừa kế là tranh chấp trong lĩnh vực dân sự, bị đơn có địa chỉ xã Th L, huyện Hậu Lộc, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, quy định tại khoản 5 Điều 26 ; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về thời hiệu: Di sản thừa kế là tài sản chung của cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph. Cụ Trịnh Văn T mất năm 1980, đến năm 1996 UBND huyện Hậu Lộc đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên cụ Lưu Thị Ph. Năm 2010 cụ Lưu Thị Ph mất. Năm 2017 bà Trịnh Thị Tổ có đơn yêu cầu chia tài sản thừa kế. Như vậy thời hiệu thừa kế trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

Xét về văn bản ủy quyền của bà Trịnh Thị T cho anh Nguyễn Ngọc L (là con trai của bà T) tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, về nội dung và hình thức, phạm vi ủy quyền có chứng thực của UBND phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, như vậy là hợp pháp được HĐXX chấp nhận. Ngày 28 tháng 4 năm 2021 Tòa án đã quyết định mở phiên tòa, nhưng do bà X có đơn xin hoãn phiên tòa, nên HĐXX phải hoãn phiên tòa và mở lại phiên tòa vào ngày 14 tháng 5 năm 2021. Tại phiên tòa có mặt bị đơn bà X, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị H, chị G, anh , anh Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự cụ thể như sau:

Theo anh Nguyễn Ngọc L: Ông bà ngoại của anh là cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph, quá trình chung sống hai cụ sinh được hai người con là: Bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Xuân Đ, cụ T mất năm 1980, cụ Ph mất năm 2010, không để lại di chúc. Khi còn sống hai cụ có tạo lập được khối tài sản chung gồm: thửa đất số 838, tờ bản đồ số 03, diện tích 585m², tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (Theo hồ sơ đo đạc địa chính năm 2001). Năm 1996 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lưu Thị Ph. Trên đất có xây dựng căn nhà cấp 4. Qua thời gian căn nhà bị mục nát, xuống cấp, năm 2007 bà T đã huy động các con của bà góp tiền xây dựng ba gian nhà mái bằng để ở cùng với cụ Ph và ông Đ cho đến khi cụ Ph qua đời vào năm 2010, trong thời gian này do vợ chồng ông Đ và bà X có mâu thuẫn nên bà X về Văn Lộc mua đất làm nhà không ở với ông Đ. Sau khi cụ Ph mất bà T ra Hà Nội sinh sống cùng với các con, đến năm 2011 ông Trịnh Xuân Đ mất. Từ đó đến nay bà Nguyễn Thị X đã tự ý về khóa cửa nhà, cổng ngõ không cho bà T các con cháu vào hương khói cho cụ T và cụ Ph.

Nay bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc giải quyết chia di sản thừa kế của cụ T và cụ Ph để lại gồm toàn bộ thửa đất số 838, tờ bản đồ số 3 với diện tích 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, và các tài sản trên đất theo quy định của pháp luật, để gia đình bà có chỗ thờ cúng tổ tiên.

Quan điểm của bà X: Khi còn sống bố mẹ chồng bà là cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 838, tờ bản đồ số 3, diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. (Theo hồ sơ đo đạc địa chính năm 2001) Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lưu Thị Ph năm 1996.

Năm 1980, cụ T mất, không để lại di chúc. Gia đình bà vẫn sống cùng cụ Ph. Năm 1995, gia đình bà có làm nhà và chuyển ra ở riêng tại thôn Tinh Hoa, xã Văn Lộc, huyện Hậu Lộc. Còn cụ Ph vẫn sinh sống trên mảnh đất tại thôn Mi Đ, xã ML. Năm 2010 cụ Ph mất, không để lại di chúc. Trước khi mất cụ Ph có bàn giao lại giấy tờ đất cho vợ chồng bà. Sau đó chồng bà là Trịnh Xuân Đ đã tiến hành làm thủ tục sang tên nhưng chưa kịp hoàn tất thì năm 2011 chồng bà đột ngột qua đời, bà có trách nhiệm lo toan ma chay mồ mả thờ cúng tổ tiên.

Nay bà Trịnh Thị T khởi kiện chia di sản thừa kế thửa đất số 838, tờ bản đồ số 3, diện tích là 585m² tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa và các tài sản trên đất, bà không đồng ý vì chồng bà là con trai duy nhất nên được quyền thừa kế toàn bộ mảnh đất và tài sản nói trên. Mặt khác bà X còn nại rằng trước khi cụ Phiếu mất, cụ Phiếu có bàn giao lại giấy tờ đất cho vợ chồng bà. Sau đó chồng bà đã tiến hành làm thủ tục sang tên nhưng chưa kịp hoàn tất thì năm 2011 chồng bà đột ngột qua đời, nhưng các giấy tờ tài liệu không có cơ sở để chứng minh việc cụ Ph giao lại tài sản cho ông Đ nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã động viên phân tích và hòa giải để hai bên thông cảm bỏ qua nhưng mâu thuẫn trước đây, cùng nhau tôn tạo lại nơi thờ cúng để hương khói cho tổ tiên. Nhưng quan

điểm của anh L và bà X không thống nhất và đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ thu thập được xác định nguồn gốc của thửa đất là đất lịch sử thuộc quyền sử dụng của cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph, năm 1980 cụ T mất, không để lại di chúc, cụ Ph là người quản lý sử dụng thửa đất, nên đến năm 1996 UBND huyện Hậu Lộc đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên bà Lưu Thị Ph. Năm 2010 cụ Phiếu mất. Năm 2017 bà Trịnh Thị T có đơn yêu cầu chia tài sản thừa kế. Mặc dù thửa đất là tài sản chung của cụ T và cụ Ph, cụ T mất năm 1980 đến nay đã hơn 40 năm, nhưng sau khi cụ T mất một thời gian, thì năm 1996 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Lưu Thị Ph, do đó thời điểm mở thừa kế là thời điểm từ khi cụ Phiếu mất năm 2010. Việc bà Trịnh Thị T làm đơn yêu cầu chia di sản thừa kế trong thời hạn luật định theo quy định, nên được HĐXX chấp nhận.

*Xét về quan hệ huyết thống, cụ T và cụ Ph sinh được hai người con là bà Trịnh Thị T và ông Trịnh Xuân Đ (không có con riêng hay con nuôi). Như vậy những người trong diện được thừa kế là ông Đàm và bà Tổ, hiện tại ông Đàm đã mất thì bà Nguyễn thị X (vợ ông Đ) và các con ông Đ là Trịnh Thị Th H, Trịnh Thị G, Trịnh Trọng Đ và Trịnh Minh Q là những người được hưởng phần di sản của ông Trịnh Xuân Đ được hưởng.

*Xét về di sản thừa kế: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 17/12/2020 tài sản mà bà Tổ yêu cầu chia thừa kế gồm: một thửa đất diện tích 585m², thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ số 1, theo hồ sơ địa chính năm 1995, tại thôn M Đ, xã M L, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên Bà Lưu Thị Ph năm 1996. Năm 2001 do nhà nước có chủ trương đo đạc đất dân cư, nên thửa đất được vẽ lại tại tờ bản đồ số 03, thửa đất số 838, diện tích 585 m². Tại thời điểm thẩm định đo đạc hiện trạng tổng diện tích của thửa đất là 610 m² có trị giá = 305.000.000đ.

Tài sản trên đất gồm : 01 nhà chính mái bằng, xây gạch tuy nen, sàn bê tông cốt thép 62,4m² = 74.730.240đ; 01 nhà bếp tường xây gạch, mái lợp broximang = 5.011.200đ ; cổng ngõ có hai trụ , có tường , có mái bê tông = 1.786.428đ; Tường rào phía nam 18m = 1.485.000đ; Tường rào phía đông dài 26,3m = 2.431.000đ; 03 cây nhãn loại D = 1.119.000đ; 01 cây Vú sữa loại C = 120.000đ; 01 cây Xoài loại C = 310.000đ; 01 cây Cau loại C = 184.000đ ; 01 cây Cọ = 50.000đ ; 01 cây Khế loại C = 90.000đ ; 01 cây Lát = 130.000đ.

Tổng cộng tài sản = 392.446.868đ

Đối với quan điểm của bà X và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về ngôi nhà chính và nhà bếp là do bà Xuyên và ông Đ xây dựng, quan điểm đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và trích công sức đóng góp cho ông Đ và bà X, nhưng quan điểm của bà T và những người làm chứng khẳng định ngôi nhà chính và nhà bếp là do bà T và ông Đ cùng góp công, góp tiền xây dựng nên, bà X không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của cụ T và cụ Ph, (tuy nhiên ông Đ có thời gian trông coi, duy trì tài sản của cụ Ph trong khoảng thời gian từ khi cụ Ph mất năm 2010 đến

khi ông Đ mất năm 2011) vì vậy khối tài sản này được chia cho ông Đ phần nhiều hơn so với phần của bà T là hoàn toàn phù hợp.

*Về cách chia đất: Do đặc thù của thửa đất về cạnh phía tây tiếp giáp với hai hộ dân thuộc thửa đất 839 và 840; Cạnh phía bắc và cạnh phía nam tiếp giáp với hai ngõ đi của hai hộ dân thửa đất 839 và 840; Riêng cạnh phía đông tiếp giáp với đường liên thôn M Đ; Mặt khác ngôi nhà chính lại nằm ở giữa khu đất, để đảm bảo giá trị sử dụng phần đất được chia, tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên trong quá trình sử dụng phần đất và mở ngõ ra vào. Nên kẻ một đường thẳng từ giữa cạnh đông sang giữa cạnh tây, chia cho bà Trịnh Thị T phần đất phía bắc của thửa đất, chia cho ông Đ phần đất phía nam của thửa đất, mỗi phần có diện tích là 305m².

Những tài sản tồn tại trên đất phần đất của ai thì người đó được hưởng.

Do ông Đ đã mất nên toàn bộ khối tài sản mà ông Đ được hưởng, giao lại cho bà X (là vợ ông Đ) và các con ông Đ quyền sở hữu và sử dụng. Riêng chị Trịnh Thị G từ chối nhận phần di sản được giao, chị Giang giao lại cho bà X, tại phiên tòa bà X đồng ý nhận phần di sản mà chị G giao lại, được HĐXX chấp nhận.

*Theo số liệu ghi trong hồ sơ địa chính và ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Lưu Thị Ph, thì diện tích đất là 585 m², nhưng diện tích đo hiện trạng thực tế là 610m², chênh lệch 25m². Vì vậy các bên được chia chỉ được quyền sử dụng mỗi phần đất là 292,5m², quản lý 12,5m² đất thừa so với diện tích đã ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.(Khi nào nhà nước có chủ trương thu hồi thì các bên có nghĩa vụ trả lại cho nhà nước)

[3] Về án phí: Bà Trịnh Thị T và bà Nguyễn Thị X là người cao tuổi, hiện nay bà X đang điều trị bệnh hiểm nghèo, bà X và bà T có đơn xin miễn án phí, HĐXX căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, miễn cho bà T và bà X toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm mà bà T và bà X phải chịu.

Buộc chị Trịnh Thị G, chị Trịnh Thị Thanh H, anh Trịnh Minh Q và anh Trịnh Trọng phải chịu tiền án phí chia tài sản, đối với phần tài sản mà các anh, chị được hưởng phần di sản của ông Trịnh Xuân Đ. Riêng phần của chị G, chị G từ chối nhận và giao cho bà X, nên bà X phải chịu phần án phí của chị G theo quy định của pháp luật,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* **Áp dụng:** Khoản 5 Điều 26 ; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Các Điều 623; 649; 650 và 651 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án

***Tuyên xử:** Vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

*Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Trịnh Thị T.

1. Di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn T và cụ Lưu Thị Ph để lại gồm: 01 nhà chính mái bằng, xây gạch tuynen, sàn bê tông cốt thép 62,4m² giá trị sử dụng còn lại là 74.730.240đ; 01 nhà bếp tường xây gạch, mái lợp broximang có giá trị là 5.011.200đ; cổng ngõ có hai trụ, có mái bê tông có giá trị là 1.786.428đ; Tường rào phía nam 18m có giá trị là 1.485.000đ; Tường rào phía đông dài 26,3m có giá trị là 2.431.000đ; 03 cây nhãn loại D có giá trị là 1.119.000đ; 01 cây vũ sữa loại C có giá trị là 120.000đ; 01 cây Xoài loại C có giá trị là 310.000đ; 01 cây Cau loại C có giá trị là 184.000đ; 01 cây Cọ có giá trị là 50.000đ; 01 cây Khế loại C có giá trị là 90.000đ; 01 cây Lát là 130.000đ.

Tổng cộng tài sản = **392.446.868đ** (Ba trăm chín hai triệu, bốn trăm bốn sáu nghìn, tám trăm sáu tám đồng)

2. Di sản thừa kế được chia như sau:

Kẻ một đường thẳng từ giữa cạnh đông sang giữa cạnh tây của thửa đất, cho mỗi người một phần. Phần tài sản có trên đất của ai thì người đó được hưởng.

*Giao cho bà Trịnh Thị T phần đất phía bắc của thửa đất, cạnh phía đông giáp đường liên thôn là 12,1m; cạnh phía tây giáp thửa đất 839 là 12,2m; cạnh phía bắc giáp ngõ đi của thửa đất 839 là 25,8m; cạnh phía nam giáp phần đất chia cho ông Đ là 24,4m, tổng diện tích là 305m². Có giá trị = 152.500.000đ

Trên phần đất của bà T có các tài sản gồm: 25, 59 m² phần nhà chính có giá trị = 30.646.584đ; Diện tích nhà bếp là 12m² có giá trị = 5.011.200đ; 12,1m tường rào phía đông có giá trị = 1.215.500đ và 01 cây Lát có giá trị = 130.000đ.

Tổng giá trị tài sản của bà T được hưởng là : **189.503.284đ** (Một trăm tám chín triệu, năm trăm linh ba nghìn, hai trăm tám tư đồng)

*Giao cho ông Trịnh Xuân Đ phần đất phía nam của thửa đất, cạnh phía đông giáp đường liên thôn là 12,1m, cạnh phía tây giáp thửa đất 840 là 12,8m, cạnh phía nam giáp ngõ đi của thửa đất 840 là 20,3m (có góc chéo về phía đông nam là 3.2m), cạnh phía bắc giáp phần đất chia cho bà T là 24,4m, tổng diện tích là 305m². Có giá trị = 152.500.000đ

Trên phần đất của ông Đ có các tài sản gồm: 36,81m² phần nhà chính có giá trị = 44.083.656đ; cột cổng, mái cổng ngõ + 18m tường rào phía nam có giá trị = 3.271.428đ; 12,1m tường rào phía đông có giá trị = 1.215.500đ và 03 cây nhãn loại D có giá trị = 1.119.000đ; 01 cây vũ sữa loại C có giá trị = 120.000đ; 01 cây Xoài loại C có giá trị = 310.000đ; 01 cây Cau loại C có giá trị = 184.000đ; 01 cây Cọ có giá trị = 50.000đ; 01 cây Khế loại C có giá trị = 90.000đ

Tổng giá trị tài sản của ông Đ được hưởng là : **202.943.584đ**. (Hai trăm linh hai triệu, chín trăm bốn ba nghìn, năm trăm tám tư đồng)

Do ông Đ đã mất nên toàn bộ phần tài sản mà ông Đ được hưởng, giao lại cho vợ ông Đ và các con ông Đ : Gồm bà Nguyễn Thị X và chị Trịnh Thị Thanh H, anh Trịnh Minh Q và anh Trịnh Trọng Đ quyền quản lý và sử dụng.

*** Về án phí:** Miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho bà Bà Trịnh Thị T. Riêng bà Nguyễn Thị X được miễn phần án phí của bà, nhưng bà X phải nộp phần tiền án phí mà chị Trịnh Thị G phải chịu.

Buộc chị Trịnh Thị Thanh H, anh Trịnh Minh Q, anh Trịnh Trọng Đ và bà Nguyễn Thị X mỗi người phải nộp 2.029.435đ án phí DSST.

Trả lại cho bà Trịnh Thị T số tiền tạm ứng án phí 750.000đ mà bà T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2015/0002822 ngày 18/01/2018 tại chi Cục THA dân sự huyện Hậu Lộc.

**Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

***Về quyền kháng cáo :** Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao, bản án vắng mặt (hoặc) ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Thanh hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Xuân Chuyên